

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Tiến Dũng

Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 16-9-2021 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 322/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25-8-2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06-9-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1983; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 21/516 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Nh, sinh năm 1984; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 21/516 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; Tạm trú: Số 3/516 đường K, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Anh Đ và chị Nh có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 07-7-2021, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Tiến Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Anh và chị Hoàng Thị Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố N vào ngày 15-10-2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống bình thường đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn do không hòa hợp về tính cách, luôn bất đồng về quan điểm sống, không nói chuyện được với nhau. Khoảng tháng 4/2021 chị Nh đã chuyển ra ngoài ở riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh với chị Hoàng Thị Nh.

- Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Y, sinh ngày 08-5-2011 và Nguyễn Hữu Ch, sinh ngày 15-02-2013, tạm thời các con chung đang ở cùng với chị Nh. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Hoàng Y, đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hữu Ch cho chị Nh nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về công việc và thu nhập thực tế: Anh đang làm nhân viên kinh doanh của Công ty gạch men P tại địa chỉ 190 đường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

- Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Anh với chị Nh sẽ tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là chị Hoàng Thị Nh trình bày:

Chị xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn anh Đ trình bày là đúng. Trong quá trình chung sống vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không có gì lớn khiến anh Đ phải làm đơn ly hôn ra Tòa án. Bản thân chị nhận thấy rằng anh Đ là người không có trách nhiệm với gia đình, thời gian gần đây anh Đ đi làm mới đóng góp nuôi con với số tiền khoảng 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng. Do nhà số 21/516 đường K ẩm thấp không đảm bảo cho sinh hoạt của chị và các con nên chị đã chuyển đến số 3/516 đường K, phường L, thành phố N, còn anh Đ vẫn ở nhà cũ. Việc chị ra ngoài ở riêng cùng các con có bàn bạc với anh Đ và gia đình anh Đ, bố mẹ anh Đ cũng đồng ý khi chị ra ở riêng. Nay anh Đ cương quyết xin ly hôn nên chị cũng nhất trí ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Đ trình bày là đúng. Các con chung đều đang sống cùng với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung là Nguyễn Hoàng Y và Nguyễn Hữu Ch. Còn nếu anh Đ vẫn yêu cầu mỗi người nuôi một con thì chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Hoàng Y cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, đề nghị giao cháu Nguyễn Hữu Ch cho anh Đ trực tiếp nuôi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về công việc và thu nhập thực tế: Chị đang làm 02 công việc cùng lúc, một công việc là kế toán của Công ty TNHH Kỹ Thuật và Thương mại L tại số 36 đường Q, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định, công việc còn lại là làm đại lý bảo hiểm cho Công ty Bảo hiểm P. Thu nhập hàng tháng của chị khoảng 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng.

- Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Chị sẽ tự thỏa thuận với anh Đ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập về hôn nhân và con chung của anh Đ, chị Nh đã thể hiện: Quá trình chung sống anh Đ, chị Nh xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương nơi anh Đ, chị Nh cư trú không nắm rõ vì hai bên không thông báo. Hiện nay, chị Nh đã chuyển đến nơi ở khác không sống cùng với anh Đ. Vợ chồng anh Đ, chị Nh có 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Y và Nguyễn Hữu Ch. Nay anh Đ làm đơn đề nghị ly hôn, nuôi con với chị Nh thì quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Giai đoạn chuẩn bị xét xử và phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

- Xử thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh.
- Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hữu Ch; Giao cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng Y. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.
- Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.
- Án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Tiến Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tranh chấp được giải quyết trong vụ án:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố N nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh Đ và chị Nh có xảy ra mâu thuẫn do tính cách lối sống bất đồng không hòa hợp dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh Đ vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với lý do mâu thuẫn đã âm ỉ kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi nên không cải thiện được tình cảm. Chị Nh cũng nhất trí đồng ý ly hôn với anh Đ vì không được khắc phục mâu thuẫn của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh.

1.2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con:

Anh Đ, chị Nh đều chứng minh được công việc, thu nhập, nơi ở của mình có thể đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Hữu Ch giới tính là nam sẽ có sự thay đổi về tâm sinh lý khi bước sang tuổi dậy thì nên anh Đ nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ch sẽ phù hợp hơn chị Nh. Cháu Nguyễn Hoàng Y giới tính là nữ sẽ có sự thay đổi về tâm sinh lý khi bước sang tuổi dậy và có đơn đề nghị được ở với chị Nh nên chị Nh nuôi dưỡng chăm sóc cháu Y sẽ phù hợp hơn anh Đ. Vì vậy, để ổn định cuộc sống và đảm bảo được lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Giao cháu Nguyễn Hữu Ch cho anh Đ nuôi dưỡng; Giao cháu Nguyễn Hoàng Y cho chị Nh nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

1.3 Về tài sản, nợ chung của vợ chồng: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh xác nhận tự thỏa thuận với nhau nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến Đ là nguyên đơn trong vụ án nên phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV.

1. Về hôn nhân: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho anh Nguyễn Tiến Đ trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hữu Ch sinh ngày 15 tháng 02 năm 2013. Giao cho chị Hoàng Thị Nh trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Hoàng Y sinh ngày 08 tháng 5 năm 2011. Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh vẫn có đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Tiến Đ phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Tiến Đ đã nộp theo

biên lai số 0002951 ngày 20 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Nguyễn Tiến Đ và chị Hoàng Thị Nh có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP. N;
- UBND p. L, tp. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Việt Bằng